

TÍNH TỰ TIN TRONG TÍNH CÁCH DÂN TỘC MỸ

Lê Thị Minh Loan

Khoa Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.

Mỗi dân tộc có một hệ thống giá trị cơ bản của mình. Hệ thống giá trị này được hình thành lâu dài trong lịch sử, phụ thuộc vào các yếu tố tự nhiên, xã hội và có ảnh hưởng chi phối tới hoạt động của các thành viên thuộc dân tộc đó. Mỗi giá trị trong hệ thống đều có những mặt tích cực cũng như mặt hạn chế riêng của mình, hay nói cách khác, *có mặt giá trị và mặt phản giá trị*. Hệ thống giá trị của một dân tộc được thể hiện trong hệ thống thái độ và hệ thống hành vi, cử chỉ tương ứng của dân tộc đó, hay nói cách khác đó chính là *tính cách dân tộc*.

Vậy tính cách dân tộc là gì, được biểu hiện cụ thể như thế nào? Liệu có những nét tính cách chung cho hàng ngàn, hàng triệu, hàng chục triệu, thậm chí hàng trăm triệu con người của một dân tộc hay không? Những câu hỏi thoạt đầu có vẻ rất dễ trả lời, tuy nhiên, nếu phân tích dưới góc độ khoa học tâm lý học lại không hề dễ dàng.

Trong đời sống hàng ngày, chúng ta vẫn thường nói đến những nét tính cách của dân tộc này hay dân tộc khác, rằng dân tộc này chăm chỉ lao động, cần cù, tiết kiệm, dân tộc kia tự tin, phóng khoáng, hiếu khách... Tuy nhiên, nhìn nhận dưới góc độ tâm lý học dân tộc, sự tồn tại tính cách dân tộc dường như luôn là một cái gì đó khó chứng minh, về lý luận cũng như thực tiễn, bằng các nghiên cứu lý thuyết cũng như thực nghiệm. Nhà tâm lý học người Nga G.D.Gachiep đã diễn tả rất hình tượng: “Tính cách dân tộc của các dân tộc, những tư tưởng và văn hoá là một dạng “vật chất” “rất khôn khéo” và khó bắt được. Chúng ta có thể cảm nhận sự tồn tại của nó, nhưng chỉ cần chuẩn bị định nghĩa bằng lời – lập tức nó biến đi mất, và chỉ bắt được nó ở dạng còn nan giải, một cái gì đó không bị ràng buộc, có thể thấy không những ở dân tộc này mà còn ở nhiều dân tộc khác”⁽¹⁾.

Thuật ngữ *tính cách dân tộc* ban đầu được sử dụng trong văn học để mô tả về các cuộc thám hiểm đi tìm hiểu lối sống của các dân tộc. Về sau, thuật ngữ này được hiểu theo nhiều cách. Một số học giả hiểu tính cách dân tộc là khí chất, một số lại chú ý tới các nét nhân cách, số khác nữa chú ý tới các định hướng giá trị như quan hệ đối với quyền lực, đối với lao động... Nhưng cuối cùng, tất cả đều quay lại với thuật ngữ có tính phổ biến và dễ hiểu hơn cả - *tính cách dân tộc*. Cho đến nay, trong tâm lý học dân tộc có rất nhiều quan điểm về tính cách dân tộc. Tuy nhiên, đa số các nhà nghiên cứu đều thống nhất với nhau về những *nguyên tắc cơ bản* khi nghiên cứu tính cách dân tộc, đó là ⁽²⁾:

Thứ nhất, tính cách dân tộc không phải là tổng số các nét tính cách của từng thành viên, mà chỉ là *những nét tính cách điển hình* được thể hiện ở các - mức độ và sự kết hợp khác nhau trong số đông các thành viên của nó.

Thứ hai, không nên xem xét những nét tính cách nào đó là cái chỉ có ở cộng đồng dân tộc riêng lẻ. Sự độc đáo của mỗi dân tộc không phải là các nét tính cách hay tổng số của nó, mà là *cấu trúc các nét tính cách*. Đó không chỉ là một sự tập hợp các nét tính cách mà là *mức độ thể hiện của tính cách* này hay tính cách khác trong tổng thể đó, cũng như *đặc trưng thể hiện* của chúng.

Thứ ba, các nét tính cách của dân tộc chỉ có thể hiểu khi xem xét trong *quan hệ với hệ thống các giá trị chung* trong xã hội. Hệ thống các giá trị này lại phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và xã hội, trước hết là đặc điểm địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, giáo dục, lối sống, tín ngưỡng và tôn giáo của dân tộc...

Để phân tích và hiểu tính cách của một dân tộc, cần phải luôn bám sát những nguyên tắc trên. Tuy nhiên, trong thực tiễn nghiên cứu tâm lý dân tộc, sự đa dạng các nét tính cách, sự giao lưu thường xuyên giữa các dân tộc, sự phong phú trong đời sống tinh thần, tín ngưỡng, sự phức tạp trong quá trình hình thành các cộng đồng dân cư kết hợp với sự đa dạng về điều kiện sinh sống, làm việc... của các dân tộc làm cho quá trình nghiên cứu trở nên hết sức khó khăn và kết quả thu được không phải lúc nào cũng nhận được sự đồng tình của các nhà khoa học. Điều này được phản ánh rõ nét khi nghiên cứu tính cách của dân tộc Mỹ nói chung cũng như nghiên cứu *tính tự tin* - một nét tính cách mà người Mỹ vẫn tự hào là nét đặc trưng của mình.

Tính tự tin của người Mỹ trước tiên gắn với lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc Mỹ. Nước Mỹ là một đất nước nhiều sắc tộc. Lịch sử dân tộc Mỹ là lịch sử của nhập cư và tính đa dạng. Nước Mỹ đã đón nhận nhiều người nhập cư hơn bất kỳ một quốc gia nào khác. Trong lịch sử của mình, nước Mỹ đã đón nhận hơn 50 triệu người đến sinh sống từ khắp nơi trên thế giới và hàng năm vẫn có tới 700.000 người nhập cư vào Mỹ ⁽³⁾. Có lẽ không có dân tộc lớn nào trên thế giới lại không có đại diện của mình trên đất Mỹ. Những dòng người nhập cư đến nước Mỹ đã tác động sâu sắc đến tính cách người Mỹ.

Nhiều người đã ví xã hội Mỹ như “nồi hầm nhừ” những phong tục tập quán trước đây của người nhập cư và buộc họ phải tôi luyện tính cách mới – tính tự tin của người Mỹ. Đối với những người nhập cư, để rời bỏ quê hương đến sống ở một đất nước xa lạ, buộc họ phải có lòng dũng cảm và tính linh hoạt, dám chấp nhận rủi ro và sẵn sàng thử những cái mới, có tính độc lập cao và lạc quan. Đó là những biểu hiện rõ nét của tính tự tin. Còn đối với những người đã sống lâu ở Mỹ hay được sinh ra và lớn lên ở đây, sự có mặt của người nhập cư nhắc nhở họ về những giá trị vật chất và tinh thần mà họ đang được thừa hưởng có ý nghĩa lớn như thế nào và đó cũng là sự thách thức buộc họ phải cố gắng hơn nữa trong cuộc sống ⁽⁴⁾.

Tính tự tin của người Mỹ có nguồn gốc từ chủ nghĩa cá nhân được xuất hiện ban đầu ở châu Âu và có khởi nguồn từ việc đòi quyền bình đẳng về xã hội, chính trị. Tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa cá nhân là quan niệm cho rằng, con người luôn hoạt động theo những mục đích riêng của bản thân. Những mục đích này có thể trùng hoặc không trùng với lợi ích chung của gia đình, của nhóm, của cộng đồng, của tổ chức hay quốc gia, dân tộc. Trong trường hợp xuất hiện mâu thuẫn giữa lợi ích cá nhân và các nhóm lợi ích chung khác, việc đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích chung được mọi người chấp nhận. Chủ nghĩa cá nhân khuyến khích sự tự do trong hành động và tính độc lập trong suy đoán, nghĩa là nó tạo điều kiện cho cá nhân thể hiện và phát huy tối đa *cái tôi* của mình. *Cái tôi* trong nền văn hoá theo chủ nghĩa cá nhân được xác định như một đơn vị độc lập có thể sống ngoài nhóm xã hội.

Khi nói về chủ nghĩa cá nhân của người Mỹ, nhà văn Alexis de Tocqueville đã nhận xét rằng, những người theo xu hướng cá nhân chủ nghĩa “không nợ ai bất cứ điều gì và chắc là không chờ đợi bất cứ điều gì từ bất cứ ai. Họ hình thành một thói quen suy nghĩ về bản thân mình trong sự cách biệt và hình dung toàn bộ số phận của họ là trong chính tay họ” ⁽⁵⁾.

Tính tự tin còn gắn liền với tự do cá nhân, một phương châm sống được đề cao ở đất nước này. Tính tự tin ở Mỹ được giáo dục mọi lúc, mọi nơi, từ khi còn nhỏ đến lúc trưởng thành, từ gia đình đến trường học, ngoài xã hội. Các bậc cha mẹ Mỹ đều cố gắng uốn nắn con cái mình để đạt được sự tự tin và thông qua lăng kính về sự tự tin, họ đánh giá tính cách, giá trị của con cái mình, của mọi người trong xã hội và của toàn nhân loại. Trong các trường học của Mỹ, nhất là ở bậc đại học, giáo dục tính tự tin được gắn với phương châm: “Tự tin là con đường để đạt được sự tự do cá nhân!”, “Hãy tự mình làm lấy cho mình!”. Để đạt được điều đó, không có con đường nào khác ngoài lao động. Lao động trước hết là để kiếm tiền, tự nuôi thân, là cách xây dựng cho mình chỗ đứng độc lập trong xã hội. Lao động hiểu như vậy chính là biện pháp để củng cố “cái tôi”. Hiểu theo nghĩa rộng hơn, lao động “là danh vọng trên trường đời, là phương tiện đạt tới một địa vị nhất định trong xã hội, là uy tín, thế lực, quyền hành, quyền hạn và do đó cũng là sự tự trọng...” ⁽⁶⁾.

Tính tự tin còn xuất phát từ niềm tin tôn giáo và lý tưởng sống. Đạo Thiên Chúa với hai nhánh Tin Lành và Cơ Đốc La Mã là tôn giáo phổ biến nhất ở Mỹ, chiếm tới 3/4 dân số. Theo quan niệm của Đạo Thiên Chúa, Đức Chúa trời ban phát cho tất cả mọi người sinh ra trên trái đất này *quyền bình đẳng* và không ai có thể tước đoạt được quyền này, do vậy mỗi người có quyền tự điều khiển hoặc lựa chọn người điều khiển cuộc sống của mình. Tính tự tin của người Mỹ gắn liền với việc đòi hỏi một cách quyết liệt không chỉ quyền bình đẳng chính trị, mà còn quyền bình đẳng về kinh tế, xã hội. Thomas Jefferson (1743-1826) đã khẳng định điều này khi chấp bút viết Tuyên ngôn Độc lập Mỹ năm 1776: “Sự thật hiển nhiên là mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, tạo hoá ban cho họ những quyền không ai có thể tước đoạt được đó là quyền được Sống, quyền Tự do và mưu cầu Hạnh phúc”⁽⁷⁾. Tự do vô bờ bến và bình đẳng không hạn chế ở Mỹ được coi là quyền thiết thân của mỗi người. Mỗi người Mỹ (ít nhất là trong ngôn từ) đều tin một cách sâu sắc rằng, ai cũng có thể trở thành tổng thống. Với lý tưởng này, mỗi cá nhân là chủ nhân của cuộc sống, họ tự lựa chọn hướng đi cho bản thân. Sự thành công, hay thất bại trong cuộc sống là do sự nỗ lực của chính bản thân họ quyết định. Bạn có thể gặp may hay kém may mắn hơn nhưng “Hãy vui lên, thế giới sẽ vui mừng cùng bạn! Khi khóc, hãy khóc âm thầm!” – đó là những lời tự nhủ của nhiều người Mỹ⁽⁸⁾.

Độc lập, không bị phụ thuộc như những biểu hiện của sự tự tin có ở tất cả mọi nơi trên trái đất, không hiếm những người hoàn toàn phụ thuộc vào người khác hoặc ngược lại, hoàn toàn độc lập, tự lập cánh sinh, nhưng điều quan trọng hơn cả là *nhận thức của mọi người về lý tưởng này*. Ở những dân tộc sự tự tin không phải lý tưởng sống, nó sẽ không được tuyên truyền và không trở thành đối tượng để hãnh diện. Ngược lại, ở những nơi tự tin là lý tưởng, nó sẽ được tuyên truyền rộng rãi và trở thành đối tượng để hãnh diện. Ở Mỹ, nỗi sợ hãi bị phụ thuộc lớn tới mức mà một người bị phụ thuộc bị những người khác coi thường và được mệnh danh là kẻ thất bại, thậm chí, trong con mắt của nhiều người, người có tính “phụ thuộc” là người thấp kém và phải cần trợ giúp của bác sỹ tâm lý.

Không phải tất cả mọi người Mỹ đều tự tin và không chỉ người Mỹ mới có tính tự tin. Tuy nhiên, *mức độ biểu hiện tính cách này ở người Mỹ và các dân tộc khác không giống nhau*. Trong quan niệm của người Á Đông, một người có thể trong gần suốt cuộc đời mình không gặp may mắn và không thành công trong công việc. Nhưng người đó lại có những đứa con thành đạt và khi về già được con cái chu cấp đầy đủ. Người đó sẽ không chỉ tự hào, thấy mình hạnh phúc, mà còn muốn khoe với mọi người rằng, anh ta có những đứa con tuyệt vời, có khả năng chăm sóc bố mẹ. Một người Mỹ trong hoàn cảnh tương tự sẽ cảm nhận hoàn toàn khác. Họ sẽ không hề muốn người khác biết về việc mình phải sống nhờ sự giúp đỡ của con cái. Bị phụ thuộc vào người khác, cho dù đây

là con cái mình, nhất là bị phụ thuộc về kinh tế là điều khó có thể chấp nhận được theo quan niệm của người Mỹ và họ sẽ tìm mọi cách để thoát khỏi cảnh phụ thuộc này. Điều này một phần xuất phát từ việc tính tự lập cá nhân ở Mỹ được quá đề cao.

Với định hướng giá trị cơ bản của người Mỹ là tự tin, phủ định vai trò của người khác trong cuộc sống của mình, trong tâm lý người Mỹ thường xuất hiện *cảm giác bất an*. Cảm giác bất an được thể hiện rất đa dạng.

Trước hết đó là cảm giác bị mất đi các *mối quan hệ thân thiết trong gia đình* như: *quan hệ bố mẹ - con cái*, khi bố mẹ không còn là chỗ dựa vững chắc về mặt tinh thần cho con cái, con cái không muốn và không dám chia sẻ những khó khăn của mình với bố mẹ và ngược lại bố mẹ cũng không muốn nhờ vả vào con cái mình như chúng ta đã phân tích ở trên; *quan hệ vợ chồng*, khi ai cũng muốn tự khẳng định mình nên khó chấp nhận những sở thích, thói quen, lối ứng xử của người bạn đời, dẫn đến tỷ lệ ly hôn gia tăng.

Sau đó là các *mối quan hệ mà cá nhân tự thiết lập như bạn bè, đồng nghiệp*. Mỗi quan hệ này chủ yếu dựa trên quan hệ công việc, họ không cần biết và tránh đề cập tới hoàn cảnh, đời sống riêng tư của nhau. Nghiên cứu của Matsumoto cho thấy người Mỹ thường chỉ chia sẻ cảm xúc tích cực với bạn bè, đồng nghiệp, bởi vì theo chuẩn mực văn hóa Mỹ thì con người cần thể hiện sự hạnh phúc và phấn khởi của cuộc đời cho những người khác⁽⁹⁾. Người tự tin phải là người hạnh phúc, yêu đời và thành đạt... Tuy nhiên, chính điều này ảnh hưởng mạnh đến việc tạo ra cảm giác bất an khi cá nhân phải thường xuyên cạnh tranh với những người xung quanh và cố gắng thăng tiến trong xã hội. Và để đạt được mục đích này, cá nhân phải phục tùng áp lực của tổ chức, chấp nhận những quy định để được thăng tiến. Điều này đã *nảy sinh mâu thuẫn trong tâm lý: một mặt*, để sống phù hợp với giá trị tự tin, người Mỹ kêu gọi và hướng tới sự tự do cá nhân; *mặt khác*, để đạt được mục đích của mình, họ sẵn sàng chấp nhận sự phục tùng tổ chức và có tính khuôn phép. Đây cũng chính là cơ sở tâm lý của chủ nghĩa thực dụng của người Mỹ.

Nghiên cứu mối quan hệ nhiều chiều trong tính tự tin của người Mỹ giúp hiểu rõ hơn về một dân tộc, một đất nước có nhiều nét đặc trưng này. Tâm lý học dân tộc đòi hỏi khi nghiên cứu tính cách các dân tộc nói chung và dân tộc Mỹ nói riêng, cần phải xem xét vừa tổng thể, vừa chi tiết, nhìn nhận từ các khía cạnh khác nhau dựa trên hệ thống giá trị của dân tộc đó và cần phải có sự so sánh, đối chiếu với điểm tương ứng của các dân tộc khác. Thực hiện tốt điều này sẽ góp phần tạo cơ sở tốt để phát triển mối quan hệ nhiều mặt giữa các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

Chú thích

1. T.G.Stefanenko. *Tâm lý học dân tộc*. Hà Nội, 2006, Tr.123 (Bản dịch tiếng Việt của Khoa Tâm lý học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – TG).
2. Sđd, Tr. 125.
3. *Chân dung nước Mỹ*. Ấn phẩm của Chương trình Thông tin Quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Tr.4.
4. A.A.Belic. *Nhân cách. Văn hóa. Dân tộc*. NXB Mátxcova, 2001, Bản tiếng Nga.
5. Dẫn theo: Đỗ Long, Phan Thị Mai Hương. *Tính cộng đồng - tính cá nhân và “cái tôi” của người Việt Nam hiện nay*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, Tr.62.
6. Robert H.Bellah. *Văn hóa và tính cách của người Mỹ*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990, Tr.60.
7. Marc Pachter. *Bản sắc Mỹ*. Trong cuốn: *Nước Mỹ năm 2005: Chúng ta là ai?* Tạp chí điện tử của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, tháng 12/2004.
http://vietnamese.vietnam.usembassy.gov/doc_ej1204_i.html.
8. A.A.Belic. *Nhân cách. Văn hóa. Dân tộc*. NXB Mátxcova, 2001, Bản tiếng Nga.
9. Xem: T.G.Stefanenko: Sđd. Tr.157.